



BẢN TIN THUẾ Số 2714 (Từ 14/07- 19/07/2014)

NỘI DUNG
VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ THUẾ
VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

Trang
1
2



VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ THUẾ

Thông tư số 87/2014/TT-BTC Ngày 04/07/2014	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ các trạm thu phí đường quốc lộ 51.
Công văn số 2516/TCT-TNCN Ngày 04/07/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế TNCN.
Công văn số 2518/TCT-KK Ngày 04/07/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế.
Công văn số 2536/TCT-CS Ngày 07/07/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế.
Công văn số 2563/TCT-DNL Ngày 08/07/2014	Hướng dẫn về kê khai, nộp thuế TNDN đối với các Công ty thành viên.
Công văn số 2571/TCT-TNCN Ngày 08/07/2014	Hướng dẫn vướng mắc về hoàn thuế thu nhập cá nhân.
Công văn số 2605/TCT-TNCN Ngày 10/07/2014	Hướng dẫn vướng mắc chính sách thuế thu nhập cá nhân.
Công văn số 2616/TCT-CS Ngày 10/07/2014	Hướng dẫn về phương pháp tính thuế GTGT của doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập
Công văn số 2623/TCT-HTQT Ngày 10/07/2014	Hướng dẫn về miễn thuế theo Hiệp định đối với lãi từ tiền cho vay của JFC và JBIC.
Công văn số 2624/TCT-TNCN Ngày 11/07/2014	Hướng dẫn về thuế TNCN đối với các chuyên gia nước ngoài thực hiện dự án ODA.
Công văn số 2625/TCT-TNCN Ngày 11/07/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế TNCN đối với cá nhân Việt Nam làm việc cho văn phòng dự án JICA.
Công văn số 2632/TCT-CS Ngày 11/07/2014	Hướng dẫn về sử dụng hóa đơn.
Công văn số 2633/TCT-KK Ngày 11/07/2014	Hướng dẫn về hoàn thuế GTGT.
Công văn số 2647/TCT-KK Ngày 14/07/2014	Hướng dẫn về khôi phục mã số thuế.
Công văn số 32356/CT-HTr Ngày 01/07/2014	Trả lời chính sách thuế.
Công văn số 33486/CT-HTr Ngày 08/07/2014	Trả lời chính sách thuế.
Công văn số 33549/CT-HTr Ngày 08/07/2014	Trả lời chính sách thuế.



VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

Hướng dẫn về chính sách thuế TNCN.

Công văn số 2516/TCT-TNCN
Ngày 04/07/2014

Hướng dẫn về kê khai, nộp thuế TNDN đối với các Công ty thành viên.

Công văn số 2563/TCT-DNL
Ngày 08/07/2014

Hướng dẫn vướng mắc về hoàn thuế thu nhập cá nhân..

Các nhân viên công ty đến làm việc, công tác tại Việt Nam là cá nhân cư trú hoặc cá nhân không cư trú xác định thu nhập chịu thuế, kê khai và nộp thuế TNCN tại Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật thuế TNCN, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN và Điều 16, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn về khai thuế TNCN.

Trường hợp, nhân viên công ty làm việc tại Việt Nam có thu nhập chịu thuế thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế do áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và các nước, vùng lãnh thổ khác thì thực hiện theo quy định của Hiệp định.

Trường hợp Tổng công ty có các Công ty thành viên hạch toán phụ thuộc nhưng không hạch toán được đầy đủ doanh thu, chi phí thì các Công ty thành viên không phải kê khai, nộp thuế TNDN với cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Tổng công ty có trách nhiệm kê khai, nộp thuế TNDN đối với số thuế TNDN phát sinh tại trụ sở chính và tại các Công ty thành viên với cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

1. Cá nhân có thu nhập nhiều nơi có trách nhiệm tổng hợp thu nhập, khai quyết toán thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ khai thuế tiếp theo. Trường hợp, người nộp thuế có thu nhập nhiều nơi nhưng kê khai thu nhập tại một nơi, thì cơ quan thuế ra thông báo đề nghị người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin. Tùy theo mức độ vi phạm, cơ quan thuế xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Trên cơ sở giải trình của người nộp thuế và dữ liệu trên hệ thống quản lý thuế, cơ quan thuế cho khấu trừ số thuế đã nộp và xác định lại số thuế còn phải nộp hoặc số thuế nộp thừa.

2. Trường hợp cơ quan thuế đang xử lý hồ sơ hoàn thuế cho tổ chức, cá nhân, khi yêu cầu người nộp thuế giải trình về hồ sơ tài liệu liên quan thì tổ chức, cá nhân nộp tờ khai quyết toán bổ sung. Khi chưa có quyết định thanh tra, kiểm tra thuế nếu cá nhân, tổ chức phát hiện sai sót trong tờ khai nộp lần đầu thì được phép nộp tờ khai bổ sung. Cơ quan thuế căn cứ theo tờ khai bổ sung của tổ chức, cá nhân đã nộp để xử lý hoàn thuế. Tuy nhiên, để quản lý rủi ro, cơ quan thuế kiểm tra sau hoàn thuế trong thời hạn 10 (mười) năm, kể từ ngày có quyết định hoàn thuế.

3. Trường hợp cá nhân thuộc đối tượng quyết toán trực tiếp với cơ quan thuế, nhưng vẫn làm ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thay thì xử phạt cá nhân về hành vi vi phạm hành chính về thuế. Nếu cá nhân



Công văn số 2571/TCT-TNCN
Ngày 08/07/2014

Hướng dẫn về miễn thuế theo Hiệp định đối với lãi từ tiền cho vay của JFC và JBIC.

Công văn số 2623/TCT-HTQT
Ngày 10/07/2014

Hướng dẫn về chính sách thuế TNCN đối với cá nhân Việt Nam làm việc cho văn phòng dự án JICA.

Công văn số 2625/TCT-TNCN
Ngày 11/07/2014

không làm ủy quyền quyết toán, nhưng tổ chức trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế đồng thời vẫn thực hiện quyết toán thay cho cá nhân thì xử phạt tổ chức trả thu nhập hành vi vi phạm hành chính về thuế.

Căn cứ Thông báo số 37/2014/TB-LPQT và Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Nhật Bản, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Việt Nam và trả cho các khoản vay của JFC và JBIC sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại Điều 11, Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Nhật Bản. Cụ thể: việc miễn thuế theo quy định tại Điều 11, Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Nhật Bản được áp dụng đối với các khoản lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Việt Nam từ các hợp đồng cho vay được ký kết trong giai đoạn từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/3/2012 của JFC; và đối với các khoản lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Việt Nam từ các hợp đồng cho vay được ký kết trong giai đoạn từ ngày 01/4/2012 về sau của JBIC.

Thủ tục áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần được thực hiện theo quy định tại Điều 20, Chương II, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

1) Về việc khấu trừ thuế, khai thuế, nộp thuế của các nhân viên Việt Nam làm việc cho chuyên gia, dự án.

Căn cứ theo hướng dẫn tại điểm a.1, Khoản 2, Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính thì trường hợp JICA là tổ chức quốc tế và các cá nhân nhận thu nhập từ các dự án của JICA nếu chưa thực hiện khấu trừ tại nguồn, thì cá nhân khai thuế thu nhập cá nhân trực tiếp với cơ quan thuế quản lý.

2) Về việc khấu trừ thuế đối với các khoản chi cho cá nhân tham dự hội nghị, hội thảo, khóa học.

Căn cứ theo hướng dẫn tại điểm i, khoản 1, Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì trường hợp JICA Việt Nam chi trả tiền cho cá nhân tham gia hội thảo và tham gia giảng dạy tại hội thảo mà tổng mức chi trả từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì JICA Việt Nam phải thực hiện khấu trừ thuế TNCN theo mức 10% trên thu nhập trước khi chi trả cho cá nhân.

3) Về khoản công tác phí trả cho các nhân viên thời vụ không có hợp đồng lao động như phiên dịch, biên dịch, tư vấn cá nhân,...

Căn cứ theo hướng dẫn tại điểm đ.4, khoản 2, điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì khoản công tác phí của các nhân viên thời vụ làm việc cho Văn phòng JICA Việt Nam và các văn phòng dự án của JICA không tính vào thu nhập chịu thuế theo mức quy định.